

Các nhà ĐTNN, đặc biệt là các nhà đầu tư Nhật đã cảnh báo: Nếu Chính phủ Việt Nam không áp dụng các biện pháp tích cực để cải thiện giá cả của các dịch vụ cơ sở hạ tầng thì chắc chắn sẽ dẫn đến hệ quả là các nhà ĐTNN sẽ chuyển hướng sang những quốc gia khác ở châu Á mà cụ thể là Trung Quốc.

Tuy đã có nhiều cố gắng cải thiện môi trường đầu tư cả về môi trường cứng (hạ tầng cơ sở) lẫn môi trường mềm như hệ thống luật pháp, chính sách quản lý đầu tư nước ngoài (ĐTNN), nhưng môi trường đầu tư của Việt Nam chưa thực sự tạo nên một động lực mạnh mẽ đối với nhà đầu tư nước ngoài, đặc biệt là những tồn tại trong cơ sở hạ tầng đã tạo nên những cản ngại to lớn đối với hoạt động thu hút vốn ĐTNN.

Để thấy rõ hơn vấn đề này, chúng ta có thể so sánh môi trường đầu tư cứng của 9 nước ASEAN như sau:

So sánh với các nước khác

Bảng 1: Giá sản phẩm hàng hoá dịch vụ theo đối tượng đơn vị trong nước và nước ngoài

Hàng hóa, dịch vụ/ đối tượng tiêu thụ	Đơn vị	Trong nước	Nước ngoài	Chênh lệch (%)
Điện:				
Kinh doanh	đ/kwh	840	1.045	124
Sinh hoạt	đ/kwh	500 – 1.397	1.320 – 1.617	264 – 115
Giá bán nước:				
Hải Phòng	đ/m ³	2.700	5.500	203
Hải Dương	đ/m ³	3.000	6.000	200
Giá quảng cáo truyền hình (VTV3, 17h – 19h)	triệu đồng	3,2	17	530
Giá dịch vụ đăng kiểm, giám sát kỹ thuật định kỳ vỏ tàu biển đang dùng	triệu đồng / lần	1,9	10	525
Cước hành khách tàu hỏa HN – TP.HCM (giường tầng 1)	Nghìn đồng / lượt	732	1.093	149
Cước hành khách bằng máy bay tuyến HN – TP.HCM	Triệu đồng / lượt	1,2	1,9	190

Cải thiện cơ sở hạ tầng nhằm đẩy mạnh thu hút đầu tư nước ngoài tại Việt Nam

TS. NGUYỄN NGỌC ĐỊNH

Bảng so sánh trên dễ dàng cho chúng ta nhận thấy vẫn có sự cách biệt khá lớn giữa giá cả dịch vụ đối với đối tượng tiêu thụ là trong nước hay nước ngoài, từ dịch vụ điện nước đến giá quảng cáo, cước vận chuyển hành khách, ... Tuy chúng ta đã có những cố gắng thu hẹp dần khoảng cách chênh lệch này nhưng lộ trình thực hiện chính sách "một giá" nhìn chung còn khá chậm chạp so với các quốc gia khác trong khu vực.

So sánh giá cả, chất lượng dịch vụ và hiệu quả kinh doanh của Việt Nam và các quốc gia khác.

• Chênh lệch giá thuê đất:

Bộ kế hoạch đầu tư đã ban hành khung giá thuê đất cho các dự án ĐTNN giảm 20% so với trước đây, đồng thời miễn giảm tiền thuê đất đối với các dự án thuộc lĩnh vực ưu tiên, địa bàn khuyến khích đầu tư, đồng thời áp dụng chính sách không hồi tố đối với những ưu đãi đã quyết định trong giấy phép

đầu tư, đồng thời lại được hưởng các ưu đãi ở mức cao so với các quốc gia khác trong khu vực.

Bảng 2: Đơn giá thuê đất tại các đô thị Việt Nam (theo quyết định 189/2000/QĐ-BTC)

(USD/m²/năm)

Nhóm đô thị	Mức giá thấp nhất	Mức giá tối đa
1	1	12
2	0,8	9,6
3	0,6	7,2
4	0,35	4,2
5	0,18	2,16

Trong khi đó đơn giá thuê đất của Trung Quốc

Nhóm đô thị	Mức giá trung bình
1	4
2	2,5
3	1,6
4	0,4

Rõ ràng đơn giá thuê đất của Việt Nam chưa mang tính cạnh tranh, cần phải có một mức thuê hợp lý hơn để thu hút các nhà ĐTNN.

• Chênh lệch giá các dịch vụ khác so với khu vực:

Một số giá dịch vụ cơ sở hạ tầng của Việt Nam cao hơn mức trung bình của các nước trong khu vực, trong khi

một số giá khác lại quá thấp không đủ bù đắp chi phí bỏ ra:

Cước viễn thông vào loại đắt nhất thế giới:

- Từ Hà Nội gọi đến Tokyo: 7,92 USD/3 phút, từ Hà Nội gọi đến Bangkok: 2,48 USD.

- Giá điện của Việt Nam là: 0,07 USD/KWh so với Thái Lan là 0,04 USD.

- Phí vận hàng cảng đối với tàu 10.000 tấn ở cảng Sài Gòn là 40.000 USD so với cảng Bangkok là 20.000 USD.

Mức cước phí do cơ quan quản lý giá phê duyệt có thể chênh lệch giá lớn hơn so với chi phí thực tế của doanh nghiệp. Chi phí của cuộc gọi quốc tế thấp hơn nhiều lần so với cước cuộc gọi. Công nghệ mới như gọi điện thoại qua mạng Internet có chi phí gần như bằng 0, trong khi cuộc gọi quốc tế từ Việt Nam có thể lên đến gần 3 USD/phút. Ngược lại, trong trường hợp cung cấp nước sạch thì giá lại được quy định bằng một nửa giá so với mức cần thiết để bù đắp chi phí hoạt động và bảo dưỡng.

Rõ ràng với mức chênh lệch giá của các dịch vụ hạ tầng cơ sở của Việt Nam ở mức quá cao so với các quốc gia khác và đây thực sự là một khó khăn rất lớn trong cuộc cạnh tranh thu hút vốn ĐTTNN của ta với các nước khác trong khu vực và trên thế giới. Các nhà ĐTTNN, đặc biệt là các nhà đầu tư Nhật đã cảnh báo: nếu Chính phủ Việt Nam không áp dụng các biện pháp tích cực để cải thiện giá cả của các dịch vụ cơ sở hạ tầng thì chắc chắn sẽ dẫn đến hệ quả là các nhà ĐTTNN sẽ chuyển hướng sang những quốc gia khác ở châu Á mà cụ thể là Trung Quốc.

• Chất lượng dịch vụ và hiệu quả kinh doanh

Theo thăm dò ý kiến khách hàng của Viện nghiên cứu quản lý kinh tế TW năm 2000 cho thấy 56% khách hàng không được báo trước về việc cắt điện, 25% khách hàng bị cắt điện hơn 10 lần/năm. Việc cắt điện làm cho 50% số khách hàng phải dừng toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, điện áp không ổn định ảnh hưởng không tốt đến các thiết bị điện sử dụng. Ở Thái Lan, Hàn Quốc những điều này hầu như không xảy ra.

Trong lĩnh vực viễn thông, 90% khách hàng bị gián đoạn liên lạc không dưới 3 lần/3 tháng gần nhất với thời điểm được hỏi ý kiến. 45% số khách hàng mất hơn 10 ngày để lắp đặt điện thoại.

Trong ngành viễn thông Việt Nam có 50 người làm việc trên 1.000 đường điện thoại chính, còn ở Thái Lan là 7,3 người. Mức thất thoát trong truyền tải và phân phối điện của Việt Nam là 15,3% trong khi của Thái Lan là 6%-9%.

Rõ ràng qua những so sánh trên, cơ sở hạ tầng Việt Nam còn thấp so với các nước trong khu vực, cụ thể:

- Hệ thống giao thông đường bộ, đường sắt quá cũ kỹ, lạc hậu, việc sửa chữa chỉ mang tính chắp vá, tạm thời, đặc biệt là hệ thống quốc lộ nội tỉnh. Chỉ hy vọng vào cuối những năm 2005 khi hệ thống đường Hồ Chí Minh II đi vào hoạt động mới phá vỡ thế "độc tuyền" của hệ thống đường bộ hiện nay.

- Hoạt động của ngành hàng không còn mang nặng tính độc quyền, kém hiệu quả.

- Mạng lưới bưu chính viễn thông tuy được mở rộng và khá thông suốt nhưng phí bưu điện của ta khá cao so với các nước trong khu vực. Giá cước điện thoại của Việt Nam xấp xỉ với Úc vào ban ngày và cao gấp 3 lần vào ban đêm. Đây cũng là một vấn đề mà các nhà đầu tư nước ngoài liên tục phản ánh.

- Chính phủ đã có rất nhiều giải pháp để nâng cao sản lượng điện cung ứng cho sản xuất và tiêu dùng nhưng với hệ thống truyền tải quá cũ kỹ hiện nay, và cân đối với nhu cầu phát triển kinh tế trong tương lai rõ ràng là chưa đáp ứng được.

- Mạng Internet với tốc độ xử lý chậm, giá đắt, chưa đủ sức đáp ứng yêu cầu thông tin hiện đại.

Giải pháp

Để cải thiện cơ sở hạ tầng nhằm đẩy mạnh hơn nữa việc thu hút vốn ĐTTNN vào VN, cần thực hiện một số giải pháp sau:

- Tiếp tục điều chỉnh một bước giảm giá và phí các dịch vụ, trước mắt phải thực hiện giảm giá điện nước, cước bưu chính viễn thông, thực hiện từng bước lộ trình dịch vụ không phân biệt DN trong nước và DN có vốn đầu tư nước ngoài.

- Cải thiện đầu tư vào cơ sở hạ tầng giao thông, sử dụng có hiệu quả nguồn thu phí giao thông cho cải tạo hệ thống đường bộ, phát triển hệ thống hàng không theo hướng cởi bỏ thế "độc quyền" của Việt Nam Airline.

- Đa dạng hoá các loại hình đầu tư vào mạng lưới bưu chính viễn thông, tạo tác động cạnh tranh để giảm giá cước.

- Cải tạo mạng lưới truyền tải điện quốc gia, đầu tư phát triển hơn nữa vào hệ thống thủy điện.

- Đầu tư vào lĩnh vực công nghệ thông tin, cung cấp dịch vụ Internet với giá hợp lý, tạo nên một sự thông suốt trong xa lộ thông tin cho các nhà ĐTTNN.

Để thực hiện những giải pháp trên, việc tìm kiếm nguồn vốn cho đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng là một vấn đề thực sự nan giải. Để giải quyết bài toán nguồn vốn cho đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng cần tập trung vào một số vấn đề sau:

Huy động nguồn vốn

Huy động tối đa các nguồn vốn cho đầu tư cơ sở hạ tầng

Đầu tư cơ sở hạ tầng đòi hỏi vốn lớn, thời gian thu hồi vốn chậm, tính sinh lời thấp nên đã hạn chế sự hấp dẫn đối với nhà đầu tư. Vì thế cần xác định rõ nguồn vốn ngân sách vẫn giữ vai trò chính. Nhà nước nên dành một tỷ lệ chi ngân sách lớn hơn cho đầu tư cơ sở hạ tầng trên cơ sở tăng tỷ lệ huy động ngân sách và tiết kiệm các khoản chi thường xuyên không cần thiết.

Nhất thiết phải có chính sách huy động mọi nguồn vốn trong dân, từ phía các doanh nghiệp trong và ngoài nước, từ quốc gia khác và các tổ chức quốc tế. Cụ thể:

- Nguồn vốn ODA: tranh thủ tối đa nguồn vốn này

dựa trên những cam kết của Chính phủ các nước dành cho Việt Nam bằng cách chứng minh tính khả thi và hiệu quả thực tiễn của các dự án được giải ngân.

- Phát hành trái phiếu Chính phủ (trong nước), trái phiếu quốc tế để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng và phải đảm bảo nguồn vốn hoàn trả.

- Cho phép nhà đầu tư nước ngoài thành lập doanh nghiệp chuyên tài trợ cho các dự án cơ sở hạ tầng, hoặc sử dụng quỹ đất để kêu gọi đầu tư theo hình thức đối đất lấy công trình.

- Xã hội hoá lĩnh vực đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng thông qua việc hình thành những đơn vị chuyên ngành đầu tư và khai thác cơ sở hạ tầng có đủ năng lực tài chính và chuyên môn, cũng như khả năng thu hút nguồn vốn nhân rộng trong dân cư.

- Áp dụng chính sách đãi ngộ đặc biệt như hỗ trợ lãi suất tín dụng cho dự án xây dựng cơ sở hạ tầng, miễn giảm thuế đến mức thấp nhất trong thời gian công trình đã đi vào hoạt động nhưng chưa hoàn vốn. Theo kinh nghiệm của các quốc gia khác trên thế giới, Chính phủ nên để cho chủ đầu tư được kinh doanh thêm những dịch vụ đi kèm với dự án đầu tư vào cơ sở hạ tầng, ví dụ khi xây dựng đường giao thông thì nhà đầu tư được kinh doanh trạm xăng dầu hoặc mở các trung tâm phục vụ khách bộ hành trên con đường đó.

Qua thực tiễn, mô hình "xã hội hoá lĩnh vực đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng" đã đem lại những kết quả rất đáng khích lệ. Nhờ cách làm này, chỉ sau một thời gian ngắn, tỉnh Bình Dương đã vươn lên thành một trong những địa phương dẫn đầu cả nước về hệ thống đường bộ. Năm 2001, Sở kế hoạch đầu tư TP.HCM cấp phép thành lập Công ty cổ phần đầu tư hạ tầng kỹ thuật TP HCM (gọi tắt là CTH) với chức năng chính là "đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phương thức BOT và BT" và "Dịch vụ thu phí giao thông". Tính đến thời điểm 30.6.2003, đơn vị đã hoạt động dựa trên hợp đồng chuyển nhượng quyền quản lý, thu phí giao thông đường Điện Biên Phủ (xa lộ Hà Nội) và đường Hùng Vương nối dài, với lợi nhuận sau thuế năm 2002 đạt 39.187.913.585 đồng (lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh chiếm 99,97%). DN được miễn thuế thu nhập DN trong 4 năm đầu hoạt động và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo đối với phần thu nhập từ hoạt động quản lý và, thu phí giao thông đường Điện Biên Phủ và đường Hùng Vương nối dài theo hình thức BOT. Từ hiệu quả thu được như trên, Nhà nước nên đẩy mạnh việc thực hiện mô hình này, vừa tiết kiệm chi Ngân sách, vừa nhanh chóng triển khai mạng lưới hạ tầng kỹ thuật.

Nâng cao hiệu quả phân bổ, sử dụng các nguồn vốn đầu tư cơ sở hạ tầng.

Huy động vốn mới chỉ là một mặt của vấn đề vấn đề còn lại quan trọng hơn là sử dụng có hiệu quả những khoản vốn đầu tư hạn chế đó. Do vậy nguyên tắc xuyên suốt trong việc phân bổ và sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng là "đặt hiệu quả đầu tư lên hàng đầu". Muốn vậy, chúng ta phải thực hiện đồng bộ những biện

pháp sau:

- Việc tập trung nguồn lực hiện đang khan hiếm vào một số công trình trọng điểm sẽ cho hiệu quả lớn hơn nhiều so với đầu tư tràn lan. Điều này hàm ý trước mắt, chúng ta phải tạm thời chấp nhận sự phát triển thiếu cân xứng giữa các địa phương, trong đó ưu tiên phát triển cơ sở hạ tầng cho những vùng kinh tế trọng điểm trước, sau đó tạo hiệu ứng lan toả để phát triển các vùng còn lại. Đây là bài học quý báu rút ra từ kinh nghiệm xây dựng các đặc khu kinh tế và khu vực kinh tế mở của Trung Quốc.

- Trong cơ cấu vốn đầu tư, nguồn vốn từ ngân sách vẫn giữ vai trò chính. Nguồn vốn này chỉ nên tập trung vào những công trình mang tính đầu mối, kể đó là những công trình thiết yếu mà các thành phần kinh tế khác không có khả năng đầu tư hoặc đầu tư không có hiệu quả. Mục đích của việc làm này là sử dụng sao cho có hiệu quả cao nhất nguồn vốn ngân sách còn hạn hẹp và hướng các nguồn vốn khác theo định hướng đã chọn.

- Các lĩnh vực cơ sở hạ tầng mà tư nhân cũng như nước ngoài có khả năng kinh doanh thì nhà nước sẽ tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho các nhà đầu tư. Điều này không những làm đa dạng hoá các thành phần tham gia mà còn nhằm phá vỡ thế độc quyền của DN nhà nước trong một số ngành như điện lực, viễn thông, vận tải hàng không, đường sắt,... Nhờ đó hạ thấp các chi phí dịch vụ, tăng tính hấp dẫn của môi trường đầu tư.

- Chấn chỉnh thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư cơ sở hạ tầng theo hướng gọn nhẹ, mặt khác cần quản lý và kiểm soát chặt dự toán vốn đầu tư và hồ sơ đầu thầu của những dự án thuộc nguồn vốn ngân sách, tuyệt đối không phân bổ vốn cho những dự án chưa đủ điều kiện nhằm hạn chế thất thoát trong đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng.

- Nâng cao chất lượng của những đơn vị tư vấn, giám sát, đặt biệt là cán bộ làm công tác đầu thầu.

- Sớm ban hành pháp lệnh về ODA nhằm tạo chuẩn mực chung trong quản lý nguồn vốn này tại địa phương, bên cạnh đó, cần tiếp tục đơn giản hoá quy trình về giải ngân nhằm đẩy nhanh tiến độ xây dựng và sớm đưa công trình đi vào sử dụng.

Rõ ràng với những phân tích về những hạn chế trong cơ sở hạ tầng cho thấy đây thực sự là một khó khăn rất lớn trong cuộc cạnh tranh thu hút vốn ĐTTNN của ta với các nước khác trong khu vực và trên thế giới. Các nhà ĐTTNN, đặc biệt là các nhà đầu tư Nhật đã cảnh báo: Nếu Chính phủ Việt Nam không áp dụng các biện pháp tích cực để cải thiện giá cả của các dịch vụ cơ sở hạ tầng thì chắc chắn sẽ dẫn đến hệ quả là các nhà ĐTTNN sẽ chuyển hướng sang những quốc gia khác ở châu Á mà cụ thể là Trung Quốc.

Do đó việc đẩy mạnh các giải pháp hoàn thiện cơ sở hạ tầng là một bước đi rất cần thiết trong cuộc cạnh tranh thu hút vốn ĐTTNN của VN trong giai đoạn trước mắt và lâu dài ■